

Trống đồng Đông Sơn - quốc bảo của dân tộc Việt Nam

TS. Vi Quang Thọ

(Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam)

Chúng tôi có dịp "trở về cội nguồn" tham dự Lễ hội đền Hùng mùng 10 tháng 3 năm Tân Mão (2011) và tham dự Hội thảo khoa học quốc tế "Tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên trong xã hội hiện đại (Nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ vua Hùng ở Việt Nam)" do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và UNESCO Việt Nam đồng tổ chức. Tham gia hội thảo có đại diện của nhiều cơ quan, sứ quán và đoàn ngoại giao tại Việt Nam cùng các nhà khoa học đến từ nhiều nước: Úc, Canada, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nam Phi, Đan Mạch và gần 100 nhà khoa học Việt Nam. Theo chúng tôi được biết, từ khi lễ hội đền Hùng trở thành quốc lễ, thì mỗi lần tổ chức được tiến hành quy mô hơn, hoành tráng hơn và trong một không gian rộng lớn hơn... Đó là điều mừng, bởi nhà nước và nhân dân đã không ngừng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho khu di tích đền Hùng ngày càng khang trang để xứng đáng là nơi diễn ra quốc lễ, xứng đáng là cội nguồn "nghìn năm văn hiến" của đất nước và dân tộc.

Khách thập phương, đặc biệt là du khách nước ngoài tham quan lễ hội đền Hùng rất ấn tượng với những cảnh mô phỏng sinh hoạt dân gian thời vua Hùng. Chẳng hạn, cảnh các chàng trai giã xôi làm bánh dày, các cô gái tươi cười quây quần bên nhau gói bánh chưng, để tạo nên "trời tròn" như bánh dày và "đất vuông" như bánh chưng (theo quan niệm của người Việt cổ). "Trời tròn, đất vuông" là biểu tượng của "dương - âm" giao hoà, hợp cần, tạo nên vũ trụ và thế giới muôn loài. Bánh dày, bánh chưng còn là biểu tượng của sự giàu có và trù phú của xóm làng thuộc nền nông nghiệp lúa nước thời các vua Hùng bên dòng sông Cả - sông Cái - sông Hồng. Du khách thấy tâm hồn thư giãn khi nghe, nhìn các cô, các chị múa hát điệu dân gian *hát xoan*, gợi nhớ cảnh sinh hoạt nông thôn yên bình, êm ả trong mỗi xóm làng, trong mái nhà tranh giản dị, đơn sơ thuở nào với "những ngọn khói lam chiều" thơm mùi rơm mới sau mùa lúa chín bội thu.

Du khách tham quan nhà sàn được dựng lên trong khuôn viên lễ hội - kiểu nhà đặc trưng của đồng bào Mường và các dân tộc thiểu số sinh sống ở miền núi Việt Nam. Ngồi quây quần bên chiếc bàn tre mỏng manh cùng nhau nhâm nhi chén rượu quê thơm mùi nếp mới, chúc nhau những điều tốt lành... và nghe tiếng đăm đuống "thập thành..." dưới mái hiên nhà vọng lên làm du khách thêm

thích thú (Đuống là một nhạc cụ thô sơ được làm bằng khúc gỗ to, phơi khô, dài khoảng 2m, được khoét rộng, dài và sâu xuống tạo thành khoang trống cộng hưởng âm thanh mỗi khi gõ chày vào hai bên cạnh sườn hoặc đâm xuống lòng gỗ sâu. Chày đâm là đoạn tre hoặc gỗ dài khoảng 2m, to bằng cổ tay người lớn).

Nhưng ấn tượng hơn cả là một tốp du khách nước ngoài đứng quây quần bên chiếc trống đồng còn tươi màu đồng đỏ (được đúc theo mẫu trống đồng Đông Sơn) đang được một tốp diễn viên trẻ - mỗi người cầm một đoạn tre dài khoảng 2m, to bằng cổ tay người lớn - thi nhau giã xuống mặt trống đồng. Nghe nói, đây là một trong 100 chiếc trống mới được đúc bởi các nghệ nhân tỉnh Thanh Hoá để dâng tặng *Lễ kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*. Sau đó, một số chiếc được tặng cho khu di tích đền Hùng. Nhân lễ hội mừng 10 tháng 3, người ta mang ra "giã" trống đồng hoà tấu cùng "dàn giao hưởng" đâm đuống "thập thình..." bên cạnh. Một du khách nước ngoài hỏi chúng tôi: "Đây có phải là trống đồng Đông Sơn - Ngọc Lũ của Việt Nam không?" Chúng tôi trả lời: "Phải!". Họ tỏ vẻ ngạc nhiên và hỏi tiếp: "Trống đồng đẹp thế! Sao lại mang giã cho nó bẹp đi?". Chúng tôi thoáng vẻ ngỡ ngàng và nhìn vào mặt trống đồng gần hơn (vì có đông người xem vây quanh), thì ôi thôi, núm giữa của mặt trống đồng, có nhà nghiên cứu đã giải mã là hình mặt trời lan toả ra các tia sáng điệu kì, đã bị bẹp dẹt, lõm sâu do các chày tre đâm xuống. Tiếng giã trống càng nhanh, càng mạnh, càng hăng hái khi có nhiều khách tới xem. Những hình hoa văn xinh đẹp và bí hiểm trên mặt trống đồng cũng bị méo mó và lõm xuống như hình mặt trời ở giữa. Chúng tôi chạnh lòng, xót xa... và trả lời vị khách nước ngoài rằng: "Vì trống đồng được coi là một nhạc khí, nên phải đem gõ, đem giã". Những tưởng câu trả lời ấy là thoả đáng, nhưng vị khách lại hỏi một câu: "Thế thời các vua Hùng, người ta có làm thế này không (tức giã trống đồng)?" Chúng tôi trả lời: "Không biết! Chỉ thấy rằng, trên trống đồng có khắc hình người cầm gậy giơ lên cao như đang giã xuống". Chúng tôi tiếp tục quan sát màn biểu diễn giã trống đồng, thì thấy một vài diễn viên giơ gậy tre lên cao, giã mạnh xuống để âm thanh "bịch, bịch..." vang lên to hơn, xa hơn. Một số diễn viên khác cũng giơ gậy cao lên, nhưng khi hạ xuống lại cố nhẹ nhàng để đầu gậy chỉ tiếp xúc với mặt trống đồng, không phát ra âm thanh gì cả. Chúng tôi hỏi họ vì sao không làm giống như những diễn viên khác? Một diễn viên trả lời: "Cháu sợ làm bẹp mặt trống đồng!" Câu trả lời đó cứ ám ảnh trong tâm trí chúng tôi...

Trống đồng Đông Sơn là nhạc khí hay vật linh? Câu hỏi đó hiện nay vẫn treo lơ lửng. Những người cổ vũ cho quan điểm: Trống đồng là nhạc khí, thì chắc chắn

cho rằng phải đem nó ra gõ, đem ra giã. Nó là nhạc khí bởi mang tên "trống" và có lẽ bởi hình tượng những người đứng hoặc ngồi, hai tay cầm cây gậy dài như đang giã xuống được khắc họa trên trống đồng. Đã có nhiều học giả trong nước và quốc tế cố gắng "giải mã" những hình tượng và hoa văn trên trống đồng. Những năm gần đây, có những nghiên cứu mới đã đi tới nhận định: Trống đồng không phải là nhạc khí, mà là vật linh. Chính vì vậy, ở Hà Nội đã có đền thờ Đồng Cổ (cổ dịch là trống). Hiện nay, khi nói về trống đồng, nhiều người có quan điểm dung hoà giữa hai quan niệm nêu trên là: Trống đồng không những là nhạc khí, mà còn là vật linh. Trống đồng đã trở thành biểu tượng của nền văn hoá cổ Việt Nam, cụ thể là biểu tượng của nước Văn Lang - thời đại các vua Hùng. Các học giả trong nước và quốc tế đã nghiên cứu, cố gắng "giải mã" phần nào những bí ẩn của trống đồng, mà người xưa đã gửi gắm các thông điệp cho đời sau.

Trống đồng là nhạc khí hay vật linh? Câu hỏi đó vẫn thách thức các nhà nghiên cứu tìm câu trả lời chuẩn xác, rõ ràng. Khó khăn nhất hiện nay của chúng ta là không có đầy đủ tư liệu thành văn về trống đồng Đông Sơn do nhiều biến cố, thăng trầm của lịch sử đất nước và dân tộc. Những sử sách của nước ngoài cũng chỉ là một kênh tham khảo, không đủ để tin vào sự thật khách quan của quá khứ. Giải mã các hình vẽ khắc họa và hoa văn trên trống đồng để tìm hiểu nguồn gốc đích thực của nó và tìm kiếm thông tin về đời sống xã hội của người Việt cổ qua các thông điệp đó là sự cố gắng không mệt mỏi của các nhà nghiên cứu khoa học. Trước khi bàn về việc trống đồng là nhạc khí hay vật linh(?), theo chúng tôi, *trống đồng trước hết là một tác phẩm văn hoá - nghệ thuật tinh xảo và độc đáo của người Lạc Việt.*

Trống đồng Đông Sơn ra đời chắc chắn là ở thời đại đồ đồng và ở giai đoạn mà nghệ thuật đúc đồng của người Việt cổ đã đạt tới trình độ điêu luyện, tinh xảo. Chúng ta hãy thử quan sát trước tiên về hình dáng trống đồng, xem nó giống cái gì? Cùng với các vật dụng đồ đồng thì *trống đồng giống cái nồi đồng dùng để nấu cơm* trong mỗi gia đình nông dân Việt Nam trước đây, từ miền xuôi đến miền ngược, nhà nào cũng có. *Nồi đồng nấu cơm* là vật dụng rất phổ biến và thân thương trải qua bao đời của người Việt. Từ đó, ta có thể suy đoán một cách chắc chắn rằng, *nồi đồng* là vật dụng rất phổ biến ở thời đại các vua Hùng. Thế thì, phải chăng *trống đồng* được đúc (hay sáng tạo) từ hình tượng *nồi đồng nấu cơm*? Chúng tôi nghĩ, điều đó có thể lắm. *Nồi đồng* chắc rằng được gò hay đúc trước *trống đồng*, vì nó là đồ dùng đơn giản và phổ biến. Giả sử *trống đồng* và *nồi đồng* là hai vật dụng cùng ra đời ở một thời điểm nào đó, nghĩa là, cái này không là hình mẫu hay hình dáng của cái kia, thì cả hai giống cái gì?

Lịch sử các công cụ sản xuất và dụng cụ sinh hoạt đời sống (gọi chung là vật dụng) của con người, của mỗi dân tộc cũng tiến hoá và tiến bộ theo thời gian lịch sử phát triển của dân tộc đó hay của loài người nói chung. Lịch sử đó được chia ra các thời đại, mà mỗi thời đại có các vật dụng đặc trưng và chất liệu của nó thường được đặt tên cho thời đại đó. Ví dụ: thời đại đồ đá, thời đại đồ gốm, thời đại đồ sắt, thời đại đồ đồng... cho tới thời đại ngày nay. Nhưng ở người Việt, có những đồ dùng vô cùng phổ biến trong đời sống, đó là đồ dùng bằng mây, tre đan. Có thể khẳng định rằng, ở nền nông nghiệp lúa nước của người Việt cổ, có một thời đại đồ mây, tre đan và thời đại đó có trước từ rất lâu, cách xa rất nhiều so với thời đại đồ đồng. Tại sao chúng tôi lại chú ý tới thời đại đồ mây, tre đan?

Thời đại các vua Hùng, cư dân Việt cổ sống chủ yếu ở miền núi, ở những khu đất bằng ven sông, suối, hồ, đầm, ven biển thuộc vùng địa lí nhiệt đới, gió mùa và phương thức sống chủ yếu bằng nghề săn bắt, hái lượm, rồi tiến tới chăn nuôi và trồng trọt. Rừng nhiệt đới có nhiều loại, trong đó rất sẵn cây mây, cây tre để làm đồ dùng trong đời sống sản xuất và sinh hoạt. Xóm làng Việt Nam xưa được bao bọc bằng những lũy tre xanh. Trong các vật dụng bằng mây, tre đan, chúng tôi đặc biệt chú ý tới chiếc *giỏ đan bằng tre dùng để bắt cua* của người Việt. *Giỏ bắt cua* rất phổ biến trong đời sống của người nông dân, từ miền xuôi tới miền ngược, từ ngày xưa cho tới tận ngày nay. Mỗi lần ra đồng bắt cua, tôm, cá, người nông dân buộc, đeo chiếc giỏ bên hông. Nếu chúng ta đặt ngửa ba vật dụng: *giỏ bắt cua*, *nồi đồng*, *trống đồng* lại gần nhau, thì chúng ta sẽ thấy hình dáng của chúng hao hao giống nhau. Chúng được cấu tạo gồm ba phần: phần đáy là mặt tròn phẳng; phần thân nhỏ dần (khum dần) từ dưới lên trên đến vành cổ của vật dụng; phần miệng từ cổ lên lại loe ra. Ở *chiếc giỏ bắt cua*, phần miệng là vị trí của *cái hom giỏ* được đập lại, không cho cua từ trong giỏ bò ra ngoài. Ở *nồi đồng*, là vị trí đập nắp nồi. Còn ở *trống đồng*, phần thân hình trụ hoặc hơi thon đến phần cổ, phần miệng loe ra. *Trống đồng* được đặt úp theo chiều ngược lại với *nồi đồng* và *giỏ bắt cua*, nên phần loe ra của miệng có tác dụng là để đỡ vững chắc cho mặt tròn phẳng to nhất của trống đồng ở phần trên. Từ đó, ta có thể suy đoán rằng, hình dáng của *nồi đồng* và *trống đồng* được đúc (hay sáng tạo) từ hình tượng (hoặc mô phỏng theo hình dáng) *chiếc giỏ bắt cua* của người Việt cổ đã có từ thuở hồng hoang của lịch sử dân tộc.

Chúng ta hãy so sánh *mặt đáy của chiếc giỏ bắt cua* với *mặt tròn của trống đồng* có điểm gì giống nhau? Ở đây, chúng tôi đặc biệt chú ý tới những điểm giống nhau có tính đặc trưng giữa hai vật dụng, còn những điểm khác nhau thì ai ai cũng rõ. *Chiếc giỏ bắt cua* thường được đan lát từ cây tre - là nguyên vật

liệu rất thông dụng và sẵn có của làng quê Việt Nam. Người nông dân tạo vót hai loại nan tre để đan *giỏ bắt cua*. Loại nan to mảnh để làm bộ khung cốt của chiếc giỏ. Chúng được đặt giao nhau từng đôi một tạo nên *hợp điểm trung tâm của mặt tròn đáy giỏ*. Loại nan nhỏ có hình hơi tròn tạo cho giỏ chắc chắn, cứng cáp được đan vòng quanh điểm trung tâm và liên kết các nan cốt tạo thành mặt tròn đáy giỏ; sau đó đan thân giỏ khum dần từ đáy lên tới cổ; từ cổ lại đan loe dần lên tới miệng giỏ; *cái hom* (cái nắp) đậy kín miệng giỏ. Như vậy, chiếc giỏ bắt cua được đan xong hoàn chỉnh. Ở đây, chúng tôi đặc biệt chú ý *điểm giao nhau* của các nan cốt ở *trung tâm đáy giỏ*. Lấy hợp điểm trung tâm làm chuẩn, thì các đầu nan cốt toả ra khắp bốn phương tám hướng để liên kết với các nan tròn nhỏ, tạo thành chiếc giỏ hoàn chỉnh. Chúng ta hãy so sánh mặt tròn đáy giỏ với mặt tròn trống đồng tại điểm giữa (trung tâm), thì thấy có những nét giống nhau kì lạ. *Phải chăng chiếc núm ở giữa mặt tròn trống đồng tỏa các tia ra tứ phía chính là bắt nguồn từ hình tượng (hay mô phỏng hình tượng) hợp điểm trung tâm giao nhau của các nan cốt ở đáy giỏ bắt cua?* Nhiều học giả đã cố gắng "giải mã" chiếc núm giữa của mặt trống đồng. Có người suy đoán đó là hình tượng mặt trời và cho rằng, nó thể hiện tín ngưỡng thờ thần Mặt trời của người Lạc Việt; có người cho là hình tượng ngôi sao toả sáng khắp nơi, mọi vật quay xung quanh; có nhà nghiên cứu cho rằng, hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ là mô tả vòng đời sinh thành của con người, núm giữa ở mặt tròn trống đồng là hình tượng quả trứng của người mẹ và 28 tia chìm nổi toả ra từ núm giữa là biểu đạt 28 ngày chu kì kinh nguyệt. Toàn bộ hình dáng trống đồng là mô phỏng cơ quan sinh sản của phụ nữ. Đó là những cách "giải mã" về núm giữa và hình dáng trống đồng.

Ngày nay chúng ta biết, trống đồng của nền văn hoá Đông Sơn có nhiều loại khác nhau. Ở các trống đồng khác nhau, người ta quan sát thấy số lượng các tia phát ra từ núm giữa có sự khác nhau: 8, 10, 12, 14, 16... tia, đều là số chẵn. Có người "giải mã" các tia là biểu trưng cho khí tiết của trời đất và lí giải ở trống đồng có 12 tia là tượng trưng cho 12 tháng trong năm v.v... Theo chúng tôi, *núm giữa của mặt tròn trống đồng là được mô phỏng từ điểm trung tâm của mặt tròn đáy giỏ bắt cua*. Số lượng các tia là tương ứng với số lượng nan cốt của giỏ được đặt giao nhau từng đôi một. Giỏ to hoặc nhỏ là phụ thuộc vào số lượng và chiều dài của các nan cốt. Nếu tính từ điểm trung tâm đáy giỏ, thì số lượng đầu nan cốt toả ra các phía bao giờ cũng là số chẵn: 8, 10, 12, 14, 16..., đều trùng hợp với các tia ở núm giữa của mặt tròn trống đồng. Các hình khắc chạm trên mặt trống đồng được chạy theo những vòng tròn đồng tâm, tương tự như các vòng đan xung quanh điểm trung tâm của đáy giỏ bắt cua.

Lịch sử sáng tạo những vật dụng của loài người được bắt nguồn hay mô phỏng từ các vật đã có sẵn trong tự nhiên (do tạo hoá) hoặc từ những vật đã được thể hệ trước sáng tạo và lưu truyền lại. Ví dụ: sự sáng tạo ra tàu thủy, tàu ngầm là mô phỏng các loài cá ở sông, hồ, biển khơi; sáng tạo máy bay là mô phỏng các loài chim trời; sáng tạo viên đạn, tên lửa là bắt nguồn từ cung tên của người xưa v.v... Trong tất cả các vật dụng của thời đại đồng thau, thì *trống đồng trông giống nồi đồng nấu cơm*. Và trong tất cả các vật dụng thân thuộc của cư dân nền nông nghiệp lúa nước bên sông Hồng từ cổ tới kim, thì *trống đồng trông giống chiếc giỏ bắt cua được đặt úp xuống*.

Sự giống nhau có tính đặc trưng giữa trống đồng và giỏ bắt cua là ở hình dáng cấu tạo của hai vật dụng này, đặc biệt là sự giống nhau giữa mặt đáy của giỏ bắt cua và mặt tròn của trống đồng.

Một vật dụng kim khí (*trống đồng*) ở thời đại không xa lắm so với ngày nay được bắt nguồn từ một vật dụng mây, tre đan (*giỏ bắt cua*) ở thời hồng hoang của lịch sử dân tộc đã nói lên điều gì? Có thể khẳng định một điều rằng, *hai vật dụng nói lên thời gian lịch sử cổ kim thăng trầm của dân tộc và đất nước đều do một chủ thể sáng tạo. Đó là dân tộc Việt cổ!*

Giỏ bắt cua - một vật dụng giản đơn rất đời thân thiết của cư dân Lạc Việt là nguồn cảm hứng dồi dào và mãnh liệt của nghệ nhân sáng tạo ra *trống đồng*. Lúc đầu chỉ có thể là một loại trống đồng đơn giản với những họa tiết, hoa văn đơn sơ. Qua quá trình phát triển với những bàn tay tài hoa của các nghệ nhân, *trống đồng* đã trở thành *một kiệt tác văn hoá - nghệ thuật tinh xảo và độc đáo* của người Việt cổ. Điều đó đã chứng minh rõ ràng một chân lí: Nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống và phản ánh đời sống con người. Từ *giỏ bắt cua* đơn giản, dễ đan lát "hoá thân" thành *trống đồng* được luyện đúc, chạm khắc phức tạp, tinh tế, tạo nên *một tác phẩm văn hoá - nghệ thuật độc đáo* đã minh chứng cho chân lí nghệ thuật phát triển theo quy luật của cái đẹp, tuân thủ các giá trị chân - thiện - mỹ. Từ *chiếc giỏ bắt cua* chứa đầy cua, tôm, cá... đem lại niềm vui hồn nhiên cho người nông dân sau những giờ phút vất vả trên ruộng đồng, đến *cái nồi đồng nấu cơm gạo* - "hạt ngọc của trời" nuôi sống con người, và đến *trống đồng* hoà nhịp cùng điệu múa hân hoan của người dân trong dịp lễ hội mùa màng bội thu hay trong các buổi sinh hoạt văn nghệ của làng quê, dường như có một dòng chảy liền mạch qua suốt chiều dài lịch sử đất nước trong ý thức, trong huyết quản và tâm khảm của người dân đất Việt. Đó chính là bản sắc văn hoá đậm đà, là tình yêu quê hương đất nước nồng nàn trải qua bao đời nay vẫn thế.

Hình tượng *giò bắt cua* chứa đầy cua, tôm cá; *nồi đồng* đầy cơm gạo trắng ngần và *trống đồng* đầy ắp những niềm vui đã phản ánh đời sống vật chất no đủ, đời sống văn hoá, tinh thần phong phú của người Lạc Việt, phản ánh nghệ thuật (đặc biệt là nghệ thuật dân gian) được bắt nguồn từ đời sống thực tế của con người. Đồng thời, nó cũng phản ánh quá trình phát triển văn hoá và trình độ văn minh của đất nước ở thời đại các vua Hùng. Sản phẩm của trình độ văn minh đó được hội tụ ở *trống đồng Đông Sơn*.

Trống đồng là nhạc khí hay vật linh? Có lẽ, *trống đồng Đông Sơn* cũng có quá trình lịch sử hình thành và phát triển của riêng mình qua nhiều thế hệ các nghệ nhân luyện đúc và chạm khắc hoa văn trên trống đồng. Theo chúng tôi, đến thời đại đồng thau, người ta đã có thể gò hàn hoặc đúc luyện chất liệu đồng thành trống đồng được mô phỏng theo hình dáng chiếc giò bắt cua thân thuộc của người nông dân (được làm bằng mây, tre đan trước đây) để làm nhạc khí đơn giản và sử dụng phổ biến trong các lễ hội được mùa hay trong các buổi sinh hoạt văn hoá của nhân dân. Dần dần, trình độ đúc đồng trở nên điêu luyện, trình độ chạm khắc hoa văn trên chất liệu đồng trở nên tinh xảo, trình độ tư duy của con người phát triển trù tượng và phong phú, thì *trống đồng* đơn giản từ một nhạc khí bình thường phổ biến trong dân gian được "hoá thân" thành *một tác phẩm văn hoá - nghệ thuật tinh xảo và độc đáo của cư dân Lạc Việt*. Trống đồng được đúc luyện cầu kì với những chạm khắc hoa văn, họa tiết phức tạp và tinh tế, phản ánh cảnh vật thiên nhiên cũng như hiện thực nhiều mặt của đời sống xã hội thời đại các vua Hùng (kể cả các sinh hoạt văn hoá đặc trưng, trong đó có thể khắc họa cả cảnh người đánh trống trong các lễ hội)..., và chứa đựng nhiều ẩn dụ, triết lí sâu xa để "lưu trữ" và truyền những thông điệp cho đời sau. Kể từ đó, *trống đồng* trở thành *một tác phẩm nghệ thuật* để chiêm ngưỡng, thưởng thức và trưng bày. Đi cùng với giá trị văn hoá - nghệ thuật, *trống đồng* trở thành vật phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế - xã hội, có thể trao đổi giữa các vùng miền và các nước láng giềng lân cận với nước Văn Lang xưa. Vì thế, không phải ai cũng dễ dàng có quyền sở hữu *trống đồng*. Chỉ có vua, chúa, các quan lang, tù trưởng và những người giàu trong xã hội mới có điều kiện sở hữu *trống đồng nghệ thuật*. Và cũng chính từ đó, *trống đồng* mới đem trong mình sức mạnh của quyền uy. Sức mạnh quyền uy của *trống đồng* là ở *chính bản thân nó với tư cách là một kiệt tác văn hoá - nghệ thuật tinh xảo và độc đáo* (tức là quyền uy của cái đẹp!). Đồng thời sức mạnh đó được truyền thụ từ chính vua, chúa và những người giàu có sở hữu trống đồng (tức quyền uy được truyền thụ cho vật dụng từ những người có quyền uy). Vì thế, *trống đồng* đã trở thành biểu

tượng của sự giàu có và trở thành báu vật được tôn thờ như quốc bảo của nhà nước Văn Lang thời đại các vua Hùng.

Khi trở thành *trống đồng - thám mĩ - quyền uy* của nền văn hoá Đông Sơn rực rỡ, thì *trống đồng* không còn là nhạc khí nữa, mà trở thành báu vật được trưng bày trong các lễ hội để đông đảo nhân dân có điều kiện và thời gian thưởng thức, chiêm ngưỡng. Đồng thời, *trống đồng* cũng được trưng bày và tôn thờ ở những nơi quyền quý, sang trọng, kể cả nơi linh thiêng, như đình, chùa, miếu, đền... Qua quá trình lịch sử phát triển của mình, vai trò trống đồng - nhạc khí đơn thuần ban đầu đã chuyển hoá thành trống đồng - vật linh.

Trống đồng Đông Sơn xứng đáng với vai trò *quốc bảo* của dân tộc Việt Nam!r

V.Q.T